

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Bản án số: 43/2018/HS-ST
Ngày: 29-11-2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà

Bà Bùi Thị Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Xuân Q (tên gọi khác: N), sinh năm: 1981 tại Bà Rịa-Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú: ấp N, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Chỗ ở: ấp N, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Xuân C (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; vợ và con: chưa có; tiền án: không, tiền sự: không; về nhân thân: Ngày 27-12-2013, bị UBND thành phố Vũng Tàu quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt tạm giữ ngày 28-8-2018, chuyển tạm giam ngày 31-8-2018, “có mặt”.

- Bị hại:

1. Chị Lê Thị Xuân T, sinh năm: 1989, “có mặt”

Địa chỉ: Tổ 11 ấp L, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Chị Lê Thị Kim C, sinh năm: 1981, “vắng mặt”

Địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

3. Anh Đỗ Văn K, sinh năm: 1977, “vắng mặt”

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Trung T, sinh năm: 1991, “vắng mặt”

Địa chỉ: Trại giam TH6 huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1990, “vắng mặt”

Địa chỉ: khu phố A, phường N, thành phố T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

3. Bà Nguyễn Thị Liên H, sinh năm: 1966, “vắng mặt”

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

4. Chị Huỳnh Nhật D, sinh năm: 1986, “vắng mặt”

Địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Đỗ Minh K, sinh năm: 1976, “vắng mặt”

Địa chỉ: Tổ 11 ấp L, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Anh Lê Vĩnh H, sinh năm: 1987, “vắng mặt”

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 28-8-2018 tại quán nước mía của chị Lê Thị Xuân T thuộc ấp L, xã H, huyện Đ. Chị T cùng quần chúng nhân dân bắt quả tang Lê Xuân Q có hành vi cướp giật 01 điện thoại di động hiệu Samsung A6 của chị T và báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đất Đỏ lập biên bản và tạm giữ Q. Tạm giữ của Lê Xuân Q 01 xe máy loại VISION biển số 72K1- 427.15; Tạm giữ của chị T 01 điện thoại di động hiệu Samsung A6.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đất Đỏ, Lê Xuân Q khai nhận:

Vào khoảng 12 giờ ngày 28-8-2018, Lê Xuân Q mượn xe máy loại VISION biển số 72K1- 427.15 của chị Huỳnh Nhật D chở người tên X ruồi (nhà ở khu phố L, thị trấn Đ, huyện Đ) vào uống nước mía tại quán của chị T. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Q nhìn thấy chị T nằm võng sử dụng điện thoại di động nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Q và X bàn bạc X đem xe ngoài đường chờ sẵn, còn Q đi đến chỗ chị T đang nằm giật điện thoại hiệu Samsung A6 của chị T rồi chạy ngoài để X chở chạy thoát nhưng X không nổ máy được thì bị chị T chạy ra chặn đầu xe lấy chìa khóa chạy vào trong quán nước mía. Q chạy vào giăng co lấy lại chìa khóa thì bị chị T cầm dao đe dọa, thấy vậy X cầm bình xịt hơi cay (do X mang theo sẵn) xịt vào phía chị T. Chị T kêu cướp thì Q vứt điện thoại lại cho chị T sau đó cùng X bỏ chạy thì bị chị T cùng người dân bắt giữ được Q còn X chạy thoát.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 33/KLĐGTS – HĐĐG ngày 06-9-2018 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A6 của chị T tại thời điểm Lê Xuân Q chiếm đoạt trị giá 4.200.000 đồng.

Ngoài ra, Lê Xuân Q còn khai nhận đã thực hiện 02 vụ chiếm đoạt tài sản khác tại huyện Long Điền và huyện Châu Đức cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Do cần tiền tiêu xài, sáng ngày 24-11-2017 Lê Trung T rủ Lê Xuân Q trộm cắp tài sản thì Q đồng ý. Khoảng 11 giờ cùng ngày, Q điều khiển xe Exciter biển số 72K1- 029.29 chở Lê Trung T cầm theo 01 đoạn phá khóa bằng kim loại đến xã T, huyện Đ, khi qua nhà anh Đỗ Văn K ở ấp T, xã T thì phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Honda loại AirBlade biển số 72S1- 8848 của anh K dựng trước nhà không có người trông coi, T nói Q đứng ngoài đợi và cảnh giới còn T đi bộ vào bê khóa lấy xe. Sau khi lấy được xe, Q đi xe Exciter còn T đi xe AirBlade biển số 72S1- 8848 vừa trộm cắp được tới thành phố Bà Rịa để bán cho Nguyễn Văn T với giá 8.000.000 đồng. Nguyễn Văn T biết rõ là xe do Lê Trung T và Q trộm cắp nhưng vẫn mua. Số tiền bán xe có được, Lê Trung T và Q đã mua ma túy sử dụng chung và tiêu xài hết.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 08-12-2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Long Điền kết luận: 01 xe mô tô biển số 72S1- 8848 của anh K tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 21.000.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 20-8-2018, Q mượn xe máy biển số 72K1- 427.15 của chị Huỳnh Nhật D chở người tên B (không rõ nhân thân, lai lịch)

đến huyện Châu Đức gặp người bạn xin tiền nhưng không được. Đến khoảng 14 giờ ngày 20-8-2018, Q và B vào quán của chị Lê Thị Kim C ở ấp Đ, xã B, huyện Đ để ăn trứng vịt lộn. Tại đây, Q và B thấy chị C đeo trên cổ 01 sợi dây chuyền vàng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. B nói Q ra ngoài nổ máy đợi sẵn còn B tìm cách giật sợi dây chuyền, lợi dụng lúc tính tiền chị C không để ý, B giật sợi dây chuyền trên cổ chị C rồi nhanh chóng chạy ra xe để Q chở chạy thoát. Q và B mang đoạn dây chuyền vàng bán cho tiệm vàng D J tại thị trấn Đ, huyện Đ được 800.000 đồng chia nhau mỗi người 400.000 đồng, 01 đoạn dây chuyền rơi tại hiện trường chị C nhặt lại được (trọng lượng 4.1 chỉ) giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Đức.

Tại biên bản kết luận định giá tài sản số 137/HĐĐG ngày 08-9-2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Đức kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng loại 18K trọng lượng 10 chỉ của chị C tại thời điểm B và Q chiếm đoạt trị giá 26.650.000 đồng.

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về thu giữ và xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A6, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đất Đỏ ra quyết định trả lại cho chị Lê Thị Xuân T.

- 01 xe máy hiệu Honda loại Vision biển số 72K1- 427.15 do Q sử dụng phạm tội, xe do chị Huỳnh Nhật D đứng tên giấy tờ và là chủ sở hữu, chị D không biết Lê Xuân Q sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đất Đỏ đã trả lại cho chị D.

- Số vàng 4,1 chỉ loại 18K, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức đã quyết định trả lại cho chị Lê Thị Kim C.

- Phần dây chuyền Q và B chiếm đoạt của chị C bán cho tiệm vàng D J, chị Nguyễn Thị Liên H là chủ tiệm vàng D J khai nhận có nhiều khách hàng mua bán không xác định được nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức không thu giữ được.

- Đối với chiếc xe AirBlade biển số 72S1- 8848 và Exciter biển số 72K1- 029.29 đã được giải quyết tại bản án số 27/2018/HSST ngày 23-3-2018 của TAND huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Về phần dân sự: Chị Lê Thị Xuân T và anh Đỗ Văn K không có yêu cầu gì; Chị Huỳnh Nhật D thay bị cáo Q bồi thường cho chị Lê Thị Kim C số tiền 7.000.000 đồng, sau khi nhận lại tiền, chị C không có yêu cầu gì khác.

Đối với người tên X ruồi qua xác minh tên là Trần Văn T (sinh năm: 1992; trú: khu phố L, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu). Hiện T đã bỏ đi khỏi địa phương nhưng không rõ đi đâu. Cơ quan CSĐT công an huyện Đất Đỏ tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Huỳnh Nhật D không biết Q mượn xe sử dụng vào việc cướp giật tài sản nên không xử lý; Người tên B, qua xác minh không xác định được, cơ quan CSĐT công an huyện Đất Đỏ tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Chị Nguyễn Thị Liên H chủ tiệm vàng D J không có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên cơ quan CSĐT công an huyện Châu Đức không xử lý.

Lê Trung Tvà Nguyễn Văn T đã bị TAND huyện Long Điền, tỉnh BRVT xét xử tại bản án số 27/2018/HSST ngày 23/03/2018 nên không xem xét.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản nêu trên.

Bản cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ truy tố Lê Xuân Q về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm đ khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo đã biết hành vi phạm tội của mình là sai, bị cáo không oan, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Lê Thị Xuân T không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Qua tranh tụng, đại diện Viện kiểm sát huyện Đất Đỏ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Lê Xuân Q phạm các tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Xuân Q mức án tù 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Xuân Q mức án tù 09 (chín) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo.

- Về vật chứng đã xử lý xong và về trách nhiệm dân sự: Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị D không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Bị cáo không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đất Đỏ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa về hành vi phạm tội, lời trình bày của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và tài liệu chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là phù hợp với nhau và xác định được như sau: Khoảng 13 giờ ngày 28-8-2018, tại quán nước mía của chị Lê Thị Xuân T thuộc ấp L, xã H, huyện Đ, bị cáo và người tên X ruồi đã có hành vi cướp giật 01 điện thoại di động hiệu Samsung A6, trị giá 4.200.000đồng của chị T thì bị chị T giật lấy được chìa khóa xe, X ruồi dùng bình xịt hơi cay xịt vào chị T để tẩu thoát. Ngoài ra, vào khoảng 14 giờ ngày 20-8-2018 tại quán bán trứng vịt lộn của chị Lê Thị Kim C thuộc ấp Đ, xã B, huyện Đ, bị cáo và B đã có hành vi giật sợi dây chuyền loại 18K trọng lượng 10 chỉ của chị C, trị giá 26.650.000đồng; Khoảng 11 giờ ngày 24-11-2017 tại nhà anh Đỗ Văn K thuộc ấp

T, xã T, huyện Đ bị cáo và Lê Trung T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô biển số 72S1- 8848 của anh K trị giá 21.000.000đồng bán cho Nguyễn Văn T với giá 8.000.000đồng. Mặc dù biết rõ tài sản do trộm cắp mà có nhưng Nguyễn Văn T vẫn mua.

Từ những lời khai nhận nêu trên của bị cáo đã có đủ căn cứ khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi nhanh chóng giật lấy tài sản của bị hại chị C và chị T rồi tẩu thoát của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự. Khi bị chị T phát hiện và giật lấy được chìa khóa xe, chị T tri hô nhờ quần chúng nhân dân truy đuổi, X ruồi đã dùng bình xịt hơi cay xịt vào chị T để tẩu thoát nên hành vi này của bị cáo thuộc trường hợp “hành hung để tẩu thoát” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh K trị giá 21.000.000đồng, bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Q về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[5] Đối với chị Nguyễn Thị Liên H không có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và chị Huỳnh Nhật D không biết bị cáo Q mượn xe sử dụng vào việc cướp giật tài sản nên không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với người tên X ruồi qua xác minh tên là Trần Văn T, sinh năm: 1992; trú tại: khu phố L, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu. Hiện, T đã bỏ đi khỏi địa phương nhưng không rõ đi đâu và người tên B, qua xác minh không xác định được, do đó kiến nghị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đất Đỏ tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với Lê Trung T và Nguyễn Văn T đã bị TAND huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử tại bản án số 27/2018/HSST ngày 23-3-2018 nên không xem xét.

[6] Xét thấy, hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo

vệ mà còn tác động xấu đến trật tự trị an tại nơi xảy ra tội phạm, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh trước pháp luật mới tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[7] Về vai trò của bị cáo: Bị cáo có vai trò chính, khởi xướng, rủ rê X ruồi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị T; là người giúp sức cho B thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị C và cùng với B đem tài sản đi tiêu thụ và là người giúp sức, cảnh giới cho Lê Trung T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh K, đồng thời cùng tham gia với Lê Trung T đem tài sản trộm cắp được bán cho Nguyễn Văn T.

[8] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo:

[8.1] Đối với tội “Cướp giật tài sản”:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8.2] Đối với tội “Trộm cắp tài sản”:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8.3] Về nhân thân: Bị cáo đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nên xác định bị cáo có nhân thân xấu.

[9] Xét vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị T, chị C, anh K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị D không có yêu cầu gì nên không xét đến.

[11] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không xét đến.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Xuân Q (tên gọi khác: N) phạm các tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Lê Xuân Q 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Lê Xuân Q 09 (chín) tháng tù.

4. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc Lê Xuân Q phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 28 tháng 8 năm 2018).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Xuân Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo và người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Công an huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung